

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh

- ***Hội thẩm nhân dân:*** Bà Vũ Thị Đạm

Ông Lê Tịnh Thới

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Sương - Thư ký Tòa án.

- ***VKSND huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2020, Tòa án nhân dân huyện X mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 09/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2010/QĐST- HNGĐ ngày 25/3/2020. Giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị L**, sn: 1971.

Trú tại: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai

- ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Thành P**, sn: 1969.

Trú tại: ấp C, xã D, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Trên cơ sở tự nguyện bà và ông Nguyễn Thành P sống chung với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung đến tháng 9/2019 thì bà L và ông P phát sinh mâu thuẫn do ông P nghi ngờ bà L có tình cảm với người khác nên xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay, bà L không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với và ông Nguyễn Thành P.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông P có 02 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/8/1995 và Nguyễn Thành E, sinh ngày: 25/01/1998. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Theo các biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn. Ông P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay, ông không còn tình cảm nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Lan.

Về con chung: con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/8/1995 và Nguyễn Thành E, sinh ngày: 25/01/1998 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện X xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai, của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành P là vợ chồng.

Về con chung: con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/8/1995 và Nguyễn Thành E, sinh ngày: 25/01/1998. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thành P, do đó xác định bà L là nguyên đơn, ông P là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thành P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trang, ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc sống

chung của bà L và ông P không thực hiện theo đúng quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy, Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: không công nhận Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành P là vợ chồng.

[4] Về con chung: Con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/8/1995 và Nguyễn Thành E, sinh ngày: 25/01/1998. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không không yêu cầu Tòa án giả quyết nên không giải quyết.

[7] Về án phí: bà L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 14, 53, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành P là vợ chồng.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không giải quyết.

- Về nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L nộp (biên lai thu số 0009049 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X) được khấu trừ thành tiền án phí. Bà L đã nộp đủ. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. X.
- Thi hành án dân sự H. X.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh